

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN ĐỊNH GIÁ VÀ TƯ VẤN TÀI CHÍNH VIỆT NAM
VIET NAM AUDITING VALUATION AND FINANCIAL CONSULTING COMPANY LIMITED

Trụ sở chính : Số nhà 106, khu A12 TT Đồng Xa, P. Mai Dịch, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội - Tel: (024) 6655 2014
VP Giao dịch : Tòa nhà 27A3 chung cư Green Stars 234 Phạm Văn Đồng,
Phường Cổ Nhuế, Quận Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội - Tel: 0983.088.312
Website : kiemtoanfacom.vn - **Email**: info@kiemtoanfacom.vn



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ – XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH
VĂN HÓA VÀ ĐÔ THỊ**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ – XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH
VĂN HÓA VÀ ĐÔ THỊ**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019



CÔNG TY CP ĐẦU TƯ - XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH VĂN HÓA VÀ ĐÔ THỊ

Địa chỉ: Số 16, ngõ 55, Phố Vân Hồ 2, P. Lê Đại Hành, Q. Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội, Việt Nam

Mục lục

Trang

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

02 - 03

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

04 - 05

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Bảng cân đối kế toán

06 - 07

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

08

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

09

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

10 - 22

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty CP Đầu tư - Xây Dựng Công trình Văn Hóa và Đô Thị (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019.

Khái quát về Công ty

Công ty CP Đầu tư - Xây Dựng Công trình Văn Hóa và Đô Thị là công ty cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 0100111144 do Sở kế hoạch và đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 15/08/2008. Đăng ký thay đổi lần thứ 03 ngày 21/10/2019.

Tên Doanh nghiệp : CÔNG TY CP ĐẦU TƯ – XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH VĂN HÓA VÀ ĐÔ THỊ

Địa điểm trụ sở chính của Công ty: Số 16, ngõ 55 phố Vân Hồ 2, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Vốn điều lệ: 2.000.000.000 đồng (Hai tỷ đồng).

Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng. Tổng số cổ phần: 200.000 cổ phần.

Kết quả Hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2019 và kết quả hoạt động kinh doanh cũng như tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính 2019 được trình bày trong Báo cáo tài chính từ trang 06 đến trang 22 kèm theo.

Các sự kiện sau ngày khoá sổ kế toán lập Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc Công ty cho rằng không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

Ban giám đốc

Ban Giám đốc Công ty CP Đầu tư – Xây Dựng Công Trình Văn Hóa và Đô Thị đã điều hành Công ty trong năm 2019 và đến ngày lập Báo cáo này bao gồm:

- | | |
|----------------------------|--|
| - Ông Nguyễn Tuấn Hà | - Chức vụ: Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc. |
| - Ông Nguyễn Lê Ngọc Thạch | - Chức vụ: Phó tổng giám đốc |
| - Ông Trần Quang Vinh | - Chức vụ: Phó tổng giám đốc |

Quyền lợi của Ban Giám đốc:

Trong kỳ hoạt động, ngoài những khoản thu nhập theo quy định của Công ty, Ban Giám đốc Công ty không nhận bất kỳ khoản thu nhập nào khác và không có bất kỳ sự dàn xếp nào có lợi riêng cho các thành viên trong Ban Giám đốc.

Công bố Trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm 2019. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ - XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH VĂN HÓA VÀ ĐÔ THỊ

Địa chỉ: Số 16, ngõ 55, Phố Văn Hồ 2, P. Lê Đại Hành, Q. Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội, Việt Nam

- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2019, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý liên quan.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc



Nguyễn Tuấn Hà

Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc

Hà Nội, ngày 04 tháng 05 năm 2020

Số: 164.01/2020-BCKT/FACOM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: BAN GIÁM ĐỐC**CÔNG TY CP ĐẦU TƯ – XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH VĂN HÓA VÀ ĐÔ THỊ**

Báo cáo kiểm toán về Báo cáo tài chính

Chúng tôi đã tiến hành kiểm tra việc lập và trình bày Báo cáo tài chính bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 cùng Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, Tình hình lưu chuyển tiền tệ và bản Thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 của Công ty CP Đầu tư - Xây Dựng Công trình Văn Hóa và Đô Thị (“Công ty”) được trình bày từ trang 06 đến trang 22.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và chịu trách nhiệm kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính mà không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn; và Công ty cam kết chịu trách nhiệm hoàn toàn về tính pháp lý của toàn bộ chứng từ và các nghiệp vụ phát sinh cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2019.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về việc báo cáo tài chính có được lập và trình bày theo đúng hướng dẫn quy định hay không dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ Chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc số liệu báo cáo tài chính của Công ty có trình bày phù hợp với quy định về mẫu báo cáo hay không

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm kiểm tra về việc lập và trình bày số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm việc trình bày các chỉ tiêu trong báo cáo tài chính. Khi thực hiện kiểm tra, Kiểm toán viên đã xem xét các số liệu của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các công việc kiểm tra của chúng tôi là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến xác nhận kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty CP Đầu tư – Xây Dựng Công trình Văn Hóa và Đô Thị tại ngày 31/12/2019 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Hà Nội, ngày 04 tháng 05 năm 2020

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN ĐỊNH GIÁ VÀ TƯ VẤN TÀI CHÍNH VIỆT NAM



Phó Giám đốc

Nguyễn Đắc Thành

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:

0170-2018-111-1

Kiểm toán viên

Lê Minh Hải

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:

3397-2020-101-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Mẫu B 01 - DN

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		29.178.764.003	33.389.941.594
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		4.568.144.500	4.660.658.702
1. Tiền	111	V.1.	4.568.144.500	4.660.658.702
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		1.720.070.000	2.310.070.000
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2.	1.720.070.000	2.310.070.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		17.044.520.501	19.171.781.531
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131		6.236.852.996	7.197.188.420
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		1.567.892.933	2.570.672.433
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		37.943.749	37.943.749
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.3.	9.201.830.823	9.365.976.929
IV. Hàng tồn kho	140		4.190.137.651	5.616.175.122
1. Hàng tồn kho	141	V.4.	4.190.137.651	5.616.175.122
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.655.891.351	1.631.256.239
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.5.	-	43.107.080
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		223.191.103	158.066.678
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.6.	1.432.700.248	1.430.082.481
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		55.758.879	275.226.754
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		55.758.879	275.226.754
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7.	55.758.879	275.226.754
- Nguyên giá	222		2.811.729.496	2.811.729.496
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(2.755.970.617)	(2.536.502.742)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		29.234.522.882	33.665.168.348

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		25.218.421.463	29.696.810.533
I. Nợ ngắn hạn	310		24.331.353.437	27.371.308.911
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311		4.439.971.610	4.886.113.932
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		18.063.732.443	19.511.440.748
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.8.	1.400.626.642	2.458.960.399
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		24.443.182	24.443.182
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		210.058.800	297.829.890
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		185.375.047	185.375.047
12. Quỹ khen thưởng và phúc lợi	322		7.145.713	7.145.713
II. Nợ dài hạn	330		887.068.026	2.325.501.622
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		887.068.026	2.325.501.622
B - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		4.016.101.419	3.968.357.845
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.10.	4.016.101.419	3.968.357.845
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		2.000.000.000	2.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		879.921.358	879.921.358
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		1.136.180.061	1.088.436.487
II. Nguồn kinh phí và các quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		29.234.522.882	33.665.168.378

Người lập



Kế toán trưởng



Hà Nội, ngày 04 tháng 05 năm 2020

Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc



Nguyễn Tuấn Hà

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2019

Mẫu B 02 - DN

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số năm nay	Số năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp DV	01	VI.1.	5.993.053.849	5.173.595.926
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
- Chiết khấu thương mại	02a		-	-
- Giảm giá hàng bán	02b		-	-
- Hàng bán bị trả lại	02c		-	-
- Thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp	02d		-	-
- Thuế tiêu thụ đặc biệt	02e		-	-
- Thuế xuất khẩu	02f		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và và cung cấp dịch vụ	10		5.993.053.849	5.173.595.926
			-	-
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2.	4.974.234.695	4.656.778.751
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		1.018.819.154	516.817.175
			-	-
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3.	590.604	602.687
7. Chi phí tài chính	22		26.930.136	-
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		932.800.155	438.328.968
			-	-
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động KD	30		59.679.467	79.090.894
			-	-
11. Thu nhập khác	31		-	-
12. Chi phí khác	32		-	-
13. Lợi nhuận khác	40		-	-
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		59.679.467	79.090.894
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.4.	11.935.893	15.818.179
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		47.743.574	63.272.715
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70		-	-

Người lập

Kế toán trưởng

Hà Nội, ngày 04 tháng 05 năm 2020

Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc





Nguyễn Tuấn Hà

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)
Năm 2019

Mẫu B 03 - DN

Chỉ tiêu	Thuyết minh	Số năm nay	Số năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	6.105.576.957	7.668.367.339
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	02	(4.274.356.380)	(3.749.918.107)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(1.995.689.700)	(2.535.000.000)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(26.930.136)	-
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(241.119.539)	-
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	2.764.847.702	3.027.615.347
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(2.844.843.106)	(4.883.991.783)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(512.514.202)	(472.927.204)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản DH khác	21	-	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản DH khác	22	-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	420.000.000	747.930.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	420.000.000	747.930.000
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31	-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	500.000.000	-
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(500.000.000)	(1.343.600.000)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	-	(1.343.600.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(92.514.202)	(1.068.597.204)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	4.660.658.702	5.729.255.906
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	4.568.144.500	4.660.658.702

Người lập



Kế toán trưởng

Hà Nội, ngày 04 tháng 05 năm 2020
Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

Nguyễn Tuấn Hà

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Mẫu số B09 –DN***(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)***I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp****1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty CP Đầu tư - Xây Dựng Công trình Văn Hóa và Đô Thị là công ty cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 0100111144 do Sở kế hoạch và đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 15/08/2008. Đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 21/10/2019.

Tên Doanh nghiệp : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ – XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH VĂN HÓA VÀ ĐÔ THỊ

Địa điểm trụ sở chính của Công ty: Số 16, ngõ 55 phố Vân Hồ 2, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ: 2.000.000.000 đồng *(Hai tỷ đồng chẵn)*.

Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng. Tổng số cổ phần: 200.000 cổ phần.

Ngành nghề kinh doanh:

- Xây dựng công trình điện. Chi tiết: tư vấn đầu tư giám sát thi công loại công trình lắp đặt hệ thống điện, điện nhẹ, điện dân dụng, điện công nghiệp trong lĩnh vực lắp thiết bị công trình xây dựng hoàn thiện;
- Xây dựng công trình cấp, thoát nước. Chi tiết: tư vấn đầu tư giám sát thi công công trình xây dựng trong lĩnh vực lắp đặt thiết bị công nghệ cấp thoát nước - môi trường nước;
- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật. Chi tiết: thí nghiệm, kiểm định, đánh giá chất lượng vật liệu xây dựng và công trình;
- Quảng cáo. Chi tiết: quảng cáo thương mại;
- Cung ứng và quản lý nguồn lao động. Chi tiết: tư vấn, tuyển dụng, quản lý, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực (không bao gồm tư vấn pháp luật);
- Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại. Chi tiết: tổ chức sự kiện, hội nghị, hội thảo, hội chợ triển lãm;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan và nông thôn; lập báo cáo đầu tư, dự án đầu tư, lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật các công trình: dân dụng, công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật, giao thông, công trình công cộng (như công trình văn hóa, thể thao, du lịch, thông tin, giáo dục, y tế và các khu vui chơi-giải trí); lập dự án đầu tư hệ thống thiết bị, dây chuyền công nghệ cho các công trình văn hóa như: rạp hát, rạp chiếu bóng, bảo tàng, thư viện, câu lạc bộ, trung tâm văn hóa, thể thao, du lịch, khách sạn, khu vui chơi - giải trí và các công trình công cộng khác; thiết kế xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị; thiết kế sân nền, đường nội bộ; công trình đường bộ; thiết kế kiến trúc công trình; thiết kế mỹ thuật các công trình tượng đài, biểu tượng nghệ thuật, tranh ảnh phù điêu hoành tráng; thiết kế nội ngoại thất đối với công trình dân dụng, công nghiệp, công trình văn hóa, tu bổ di tích lịch sử, danh lam thắng cảnh; thiết kế kết cấu công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp, công trình văn hóa; thiết kế đường dây và trạm biến áp đến 110KV; thiết kế hệ thống điện công trình dân dụng, công nghiệp và điều khiển tín hiệu giao thông; thiết kế thông tin, hệ thống âm thanh, điện chiếu sáng và điều khiển cơ khí công trình dân dụng; thiết kế hệ thống báo cháy, chữa cháy tự động và thiết bị bảo vệ; thiết kế cấp thoát nước - môi trường nước; thiết kế hệ thống thông gió, điều hòa không khí, cấp nhiệt; thiết kế chống mối mọt cho các công trình; lập tổng dự toán và dự toán các loại công trình như: dân dụng, công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật, giao thông, công trình công cộng (như công trình văn hóa, thể thao, du lịch, thông tin, giáo dục, y tế và các khu vui chơi- giải trí, tu bổ di tích lịch sử, danh lam thắng cảnh); - Tư vấn đầu tư: tư vấn đầu tư (không bao gồm tư vấn pháp luật và tư vấn tài chính) xây dựng công trình, tư vấn quản lý dự án, tư vấn lập và thẩm tra dự án đầu tư phát triển kinh tế xã hội, văn hóa - thông tin - thể thao và du lịch cho các đơn vị, ngành, địa phương; tư vấn đầu thầu các gói thầu tư vấn, gói thầu xây lắp và lắp đặt thiết bị; Thẩm tra: báo cáo đầu tư, dự án đầu tư xây dựng công trình, báo cáo kinh tế-kỹ thuật; thẩm tra thiết kế,

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Mẫu số B09 –DN***(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)*

- thẩm tra dự toán và tổng dự toán công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, công trình bảo tồn, tu bổ, tôn tạo các di tích lịch sử - danh lam thắng cảnh - du lịch và lắp đặt thiết bị chuyên ngành văn hóa, thông tin, truyền hình, thể thao và du lịch; Tư vấn kiểm tra và chứng nhận phù hợp về chất lượng công trình xây dựng; Tư vấn đánh giá tác động môi trường đối với chất lượng công trình xây dựng; Khảo sát địa hình công trình xây dựng; Khảo sát trắc địa công trình; Khảo sát địa chất công trình;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí Chi tiết: tư vấn đầu tư giám sát thi công công trình dân dụng và công nghiệp trong lĩnh vực xây dựng và hoàn thiện, lắp đặt thiết bị thông gió, cấp nhiệt, điều hòa không khí;
 - Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa. Chi tiết: đại lý giới thiệu sản phẩm;
 - Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông. Chi tiết: kinh doanh nguyên liệu, vật tư, thiết bị điện tử, tin học, viễn thông;
 - Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Chi tiết: kinh doanh vật liệu xây dựng;
 - Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt);
 - Vận tải hàng hóa bằng đường bộ.
 - Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: thi công xây dựng: thi công xây lắp các công trình dân dụng (công trình văn hoá, thể thao, du lịch, thông tin, giáo dục, y tế, khách sạn), công nghiệp, giao thông đường bộ, hạ tầng kỹ thuật; Thi công trang trí nội ngoại thất và lắp đặt thiết bị cho các công trình dân dụng (công trình văn hoá, thể thao, du lịch, thông tin, giáo dục, y tế, khách sạn); thi công nội thất chuyên ngành các công trình văn hoá, thể thao, du lịch, khách sạn; Thi công tượng đài, biểu tượng nghệ thuật, biểu tượng kiến trúc, phù điêu, tranh ảnh hoành tráng, mỹ thuật trưng bày bảo tàng, triển lãm; Thi công tu bổ, trùng tu, tôn tạo các công trình di tích lịch sử, di tích văn hoá và nghệ thuật kiến trúc khác;
 - Đào tạo trung cấp. Chi tiết: Tư vấn, đào tạo và dạy nghề trong các lĩnh vực: khoa học, kỹ thuật và công nghệ;
 - Đào tạo cao đẳng. Chi tiết: Tư vấn, đào tạo và dạy nghề trong các lĩnh vực: khoa học, kỹ thuật và công nghệ;
 - Hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí. Chi tiết: tổ chức chương trình biểu diễn nghệ thuật, văn hóa, ca nhạc (trừ các chương trình Nhà nước cấm);
 - Đào tạo sơ cấp. Chi tiết: tư vấn, đào tạo và dạy nghề trong các lĩnh vực: khoa học, kỹ thuật và công nghệ;

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Trong kỳ kế toán, hoạt động của Công ty không có đặc điểm đáng kể nào có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính. Hoạt động của Công ty diễn ra bình thường ở tất cả các kỳ trong năm.

II. Cơ sở lập Báo cáo tài chính, Kỳ kế toán và đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**1. Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu số B09 –DN

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)

2. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Báo cáo tài chính này được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019.

3. Đơn vị tiền tệ

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam(VNĐ).

III. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

1. Chế độ kế toán áp dụng

Ban Giám đốc đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập Báo cáo tài chính năm.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

IV. Các chính sách kế toán áp dụng

1. Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản, và việc trình bày các khoản công nợ, tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

2. Tiền và các khoản tương đương tiền:

2.1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền: Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

2.2. Nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác: Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế (hoặc tỷ giá bình quân liên ngân hàng) tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản công bố vào ngày kết thúc niên độ kế toán.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối năm được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính.

3. Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán được Công ty nắm giữ với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận bắt đầu từ ngày Công ty có quyền sở hữu và được xác định giá

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu số B09 –DN

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)

trị ban đầu theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá chứng khoán kinh doanh.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

4. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

4.1. Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho: Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho mua ngoài bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Giá gốc của hàng tồn kho do đơn vị tự sản xuất bao gồm chi phí nguyên liệu, vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung cố định và chi phí sản xuất chung biến đổi phát sinh trong quá trình chuyển hoá nguyên liệu, vật liệu thành phẩm.

4.2. Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu số B09 –DN

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)

4.3. Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho: Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp giá bình quân gia quyền.

4.4. Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

5. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ

5.1. Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình

Tài sản cố định được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Tuân thủ theo quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về việc ban hành Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

5.2. Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng.

Thời gian khấu hao cho các tài sản được ước tính như sau:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian</u>
- Nhà cửa, vật kiến trúc	6 - 26 năm
- Máy móc thiết bị	3 - 10 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	5 - 9 năm
- Thiết bị dụng cụ quản lý và tài sản khác	3 - 10 năm

6. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí khác

6.1. Chi phí trả trước: Chi phí trả trước phân bổ cho hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản, cải tạo, nâng cấp TSCĐ trong kỳ được vốn hoá vào TSCĐ đang được đầu tư hoặc cải tạo nâng cấp đó.

6.2. Chi phí khác: Chi phí khác phục vụ cho hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản, cải tạo, nâng cấp TSCĐ trong kỳ được vốn hoá vào TSCĐ đang được đầu tư hoặc cải tạo nâng cấp đó.

6.3. Phương pháp phân bổ chi phí trả trước: Các loại chi phí trả trước nếu chỉ liên quan đến năm tài chính hiện tại thì được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

7. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

Việc vốn hoá chi phí đi vay sẽ được tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu số B09 –DN

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)

Việc vốn hoá chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành. Chi phí đi vay phát sinh sau đó sẽ được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh.

Các khoản thu nhập phát sinh do đầu tư tạm thời các khoản vay riêng biệt trong khi chờ sử dụng vào mục đích có được tài sản dở dang thì phải ghi giảm trừ (-) vào chi phí đi vay phát sinh khi vốn hoá.

Chi phí đi vay được vốn hoá trong kỳ không được vượt quá tổng số chi phí đi vay phát sinh trong kỳ. Các khoản lãi tiền vay và khoản phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội được vốn hoá trong từng kỳ không được vượt quá số lãi vay thực tế phát sinh và số phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội trong kỳ đó.

8. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

9. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu.

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: Được ghi nhận theo số vốn thực tế của các cổ đông sáng lập đã góp.
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các thành viên góp vốn dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Hội đồng quản trị Công ty phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.
- Cổ tức phải trả cho các thành viên được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng quản trị Công ty.

10. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu và chi phí

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trên cơ sở các hàng hoá, dịch vụ đã cung cấp cho khách hàng và đã phát hành hoá đơn được khách hàng chấp nhận thanh toán.

Doanh thu hoạt động tài chính chủ yếu là lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thông báo về lãi tiền gửi hàng tháng của ngân hàng.

11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ là khoản thuế thu nhập hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất áp dụng tại ngày cuối kỳ. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp được áp dụng theo quy định hiện hành và các quy định về thuế khác có liên quan.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán

1. Tiền	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Tiền mặt tại quỹ	3.106.073.428	4.256.088.882
Tiền gửi ngân hàng	1.462.071.072	404.569.820
Cộng	4.568.144.500	4.660.658.702
2. Các khoản đầu tư tài chính	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	1.720.070.000	2.310.070.000
- Tiền gửi kỳ hạn 1T tại ngân hàng Vietinbank	1.720.070.000	2.310.070.000
Cộng	1.720.070.000	2.310.070.000
3. Phải thu khác	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
a. Phải thu khác ngắn hạn	9.201.830.823	9.365.976.929
Tạm ứng	9.043.130.823	8.627.353.251
Phải thu khác	158.700.000	738.623.678
+ Các khoản phải thu khác	158.700.000	738.623.678
b. Phải thu khác dài hạn	-	-
Cộng	9.201.830.823	9.365.976.929
4. Hàng tồn kho	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	4.190.137.651	5.616.175.122
Cộng	4.190.137.651	5.616.175.122
5. Chi phí trả trước	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
a. Ngắn hạn	-	43.107.080
Các khoản khác	-	43.107.080
b. Dài hạn	-	-
Các khoản khác	-	-
Cộng	-	43.107.080
6. Tài sản ngắn hạn khác	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Thuế GTGT được khấu trừ	223.191.103	158.066.678
Thuế và các khoản phải thu của Nhà nước	1.432.700.248	1.430.082.481
Cộng	1.655.891.351	1.588.149.159
7. Tài sản cố định Hữu hình (Phụ lục số 1)		
8. Thuế và các khoản phải thu/ phải nộp Nhà nước (Phụ lục số 2)		

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

9. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn		31/12/2019	01/01/2019
		VND	VND
Vay ngắn hạn ngân hàng		-	-
Vay ngắn hạn đối tượng khác		-	-
Cộng		-	-
10. Vốn chủ sở hữu			
a. Thay đổi vốn chủ sở hữu (Phụ lục số 3)			
b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu			
	Theo GCN đăng ký DN	Vốn thực góp	
		31/12/2019	01/01/2019
		VND	VND
- Vốn đầu tư của Nhà nước	680.500.000	680.500.000	680.500.000
- Vốn góp của các đối tượng khác	1.319.500.000	1.319.500.000	1.319.500.000
Cộng		2.000.000.000	2.000.000.000

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả kinh doanh

1. Doanh thu	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Tổng Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	5.993.053.849	5.173.595.926
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
2. Giá vốn hàng bán	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa và dịch vụ	4.974.234.695	4.656.778.751
Cộng	4.974.234.695	4.656.778.751
3. Doanh thu hoạt động tài chính	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	590.604	602.687
Cộng	590.604	602.687
4. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí thuế TNDN hiện hành		
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	11.935.893	15.818.179
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN năm nay	-	-
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	11.935.893	15.818.179

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**Mẫu B 09 - DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính***5. Công cụ tài chính**

Các loại công cụ TC Tài sản tài chính	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.568.144.500	4.660.658.702	4.568.144.500	4.660.658.702
Phải thu khách hàng	6.236.852.996	7.197.188.420	6.236.852.996	7.197.188.420
Trả trước cho người bán	1.567.892.933	2.570.672.433	1.567.892.933	2.570.672.433
Phải thu khác	9.201.830.823	9.365.976.929	9.201.830.823	9.365.976.929
Đầu tư tài chính ngắn hạn	1.720.070.000	2.310.070.000	1.720.070.000	2.310.070.000
Tài sản tài chính khác	1.655.891.351	1.631.256.239	1.655.891.351	1.631.256.239
Tổng cộng	24.950.682.603	27.735.822.723	24.950.682.603	27.735.822.723
Công nợ tài chính				
Các khoản vay	-	-	-	-
Phải trả người bán	4.439.971.610	4.886.113.932	4.439.971.610	4.886.113.932
Người mua trả trước	18.063.732.443	19.511.440.748	18.063.732.443	19.511.440.748
Thuế phải nộp	1.400.626.642	2.458.960.399	1.400.626.642	2.458.960.399
Chi phí phải trả	24.443.182	24.443.182	24.443.182	24.443.182
Phải trả khác	7.145.713	7.145.713	7.145.713	7.145.713
Tổng cộng	23.935.919.590	26.888.103.974	23.935.919.590	26.888.103.974

VII. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong báo cáo lưu chuyển tiền tệ

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Tiền mặt	3.106.073.428	4.256.088.882
Tiền gửi ngân hàng	1.462.071.072	404.569.820
Cộng	4.568.144.500	4.660.658.702

VIII. Các thông tin khác**1. Các sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Đến ngày lập Báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty cho rằng không có sự kiện quan trọng nào có thể ảnh hưởng và làm cho các số liệu trong báo cáo tài chính đã kiểm toán bị phản ánh sai lệch.

2. Một số chỉ tiêu tài chính

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm nay	Năm trước
1. Bố trí cơ cấu tài sản và cơ cấu vốn			
1.1. Bố trí cơ cấu tài sản			
- Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	99,81	99
- Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	0,19	0,01
1.2. Bố trí cơ cấu vốn			
- Nợ phải trả/Tổng số nguồn vốn	%	86,26	88,21
- Vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	13,74	11,79
2. Khả năng thanh toán			
2.1 Khả năng thanh toán tổng quát	Lần	1,16	1,13
2.2 Khả năng thanh toán nợ đến hạn	Lần	1,20	1,22
2.3 Khả năng thanh toán nhanh	Lần	0,19	0,17
3. Tỷ suất sinh lời			
3.1 Tỷ suất sinh lời trên doanh thu			

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ- XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH VĂN HOÁ VÀ ĐÔ THỊ

Địa chỉ: Số 16 ngõ 55 phố Văn Hồ 2, P. Lê Đại Hành

Q. Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội

Báo cáo tài chính cho năm
tài chính kết thúc ngày 31/12/2019**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****Mẫu B 09 - DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính*

- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/Doanh thu	%	1,00	1,53
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu	%	0,80	1,22
3.2 Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản			
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/Tổng tài sản	%	0,20	0,23
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	0,16	0,19
3.3 Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn CSH	%	1,19	1,59

3. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh đầu kỳ là số liệu công ty đã được kiểm toán bởi công ty TNHH Kiểm Toán Định giá và Tư vấn tài chính Việt Nam.

Người lập**Kế toán trưởng**

Hà Nội, ngày 04 tháng 05 năm 2020

Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc**Nguyễn Tuấn Hà**

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ- XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH VĂN HOÁ VÀ ĐÔ THỊ

Địa chỉ: Số 16 ngõ 55 phố Văn Hồ 2, P. Lê Đại Hành, Q. Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội

Báo cáo tài chính cho năm
tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Phụ lục số: 1

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

7. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình toàn công ty

Đơn vị tính: VNĐ

Chỉ tiêu	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý + TSCĐ khác	TSCĐ khác	TSCĐ chờ thanh lý	Tổng cộng
I. Nguyên giá TSCĐ hữu hình							
1. Số dư đầu năm	-	2.811.729.496	-	-	-	-	2.811.729.496
2. Số tăng trong năm	-	-	-	-	-	-	-
- <i>Mua trong năm</i>							
- <i>Đầu tư XDCB hoàn thành</i>	-		-	-	-	-	-
- <i>Tăng khác</i>	-	-	-	-	-	-	-
3. Số giảm trong năm	-	-	-	-	-	-	-
- <i>Chuyển sang BĐS đầu tư</i>	-	-	-	-	-	-	-
- <i>Thanh lý, nhượng bán</i>	-	-	-	-	-	-	-
- <i>Giảm khác</i>	-	-	-	-	-	-	-
4. Số dư cuối năm	-	2.811.729.496	-	-	-	-	2.811.729.496
II. Giá trị hao mòn lũy kế							
1. Số dư đầu năm	-	2.536.502.742	-	-	-	-	2.536.502.742
2. Số tăng trong năm	-	219.467.875	-	-	-	-	219.467.875
- <i>Khấu hao trong năm</i>	-	219.467.875	-	-	-	-	219.467.875
- <i>Tăng khác</i>	-	-	-	-	-	-	-
3. Số giảm trong năm	-	-	-	-	-	-	-
- <i>Chuyển sang BĐS đầu tư</i>							
- <i>Thanh lý, nhượng bán</i>	-	-	-	-	-	-	-
- <i>Giảm khác</i>	-	-	-	-	-	-	-
4. Số dư cuối năm	-	2.755.970.617	-	-	-	-	2.755.970.617
III. Giá trị còn lại							
1. Tại ngày đầu năm	-	275.226.754	-	-	-	-	275.226.754
2. Tại ngày cuối năm	-	55.758.879	-	-	-	-	55.758.879

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

8. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Phụ lục số: 2
 Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Số phải nộp đầu năm	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp hoặc được khấu trừ trong năm	Số phải nộp cuối năm	Số phải thu cuối năm
- Thuế GTGT đầu ra	361.631.089	-	544.823.077	906.454.166	-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	-	-	-	-
- Thuế thu nhập cá nhân	-	-	-	-	-	-
- Thuế nhà đất, tiền thuế đất	1.474.858.703	-	-	200.000.000	1.274.858.703	-
- Các loại thuế khác	622.470.607	-	-	496.702.668	125.767.939	-
- Phí, lệ phí và các khoản phải nộp	-	-	-	-	-	-
Cộng	2.458.960.399	-	544.823.077	1.603.156.834	1.400.626.642	-

Tại thời điểm kiểm toán Công ty chưa có biên bản quyết toán thuế với Cơ quan thuế địa phương do vậy quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể được thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ- XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH VĂN HOÁ VÀ ĐÔ THỊ

Địa chỉ: Số 16 ngõ 55 phố Văn Hồ 2, P. Lê Đại Hành, Q. Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội

Báo cáo tài chính cho năm
tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

Phụ lục số: 3

10. Vốn chủ sở hữu

a- Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Nguồn vốn đầu tư XDCB	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng	Đơn vị: VND
1. Số dư đầu năm nay	2.000.000.000	879.921.358	-	-	-	1.088.436.487	3.968.357.845	
- Tăng vốn trong năm nay	-	-	-	-	-	-	-	
- Lãi trong năm nay	-	-	-	-	-	47.743.574	47.743.574	
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-	-	
- Lỗ trong năm nay	-	-	-	-	-	-	-	
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-	-	
2. Số dư cuối năm nay	2.000.000.000	879.921.358	-	-	-	1.136.180.061	4.016.101.419	

Kiểm toán	Auditing
Kế toán	Accounting
Định giá	Valuation
Thuế	Tax
Tư vấn	Consulting
Tài chính doanh nghiệp	Corporate Finance

Kiểm toán/Auditing. Kế toán/Accounting. Định giá/ Valuation. Thuế/Tax. Tư vấn/Consulting. Tài chính doanh nghiệp/Corporate Finance



Headquarter:

No106 - A12 Dong Xa Apartment
Mai Dịch - Cau Giay - Hanoi

Tel: (84-24) 6655 2014
Fax: (84-24) 3754 5758

Email: info@kiemtoanfacom.vn
Website: kiemtoanfacom.vn